

Số: 3604 /CHKQTTSN - KD

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành bảng giá một số dịch vụ phi hàng không
tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.**

GIÁM ĐỐC

CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT

Căn cứ Công văn số 2491/TCTCHKVN - KDPTTT ngày 09/08/2021 về việc triển khai chính sách giá của Tổng công ty theo Nghị quyết số 237/NQ – HDQT ngày 22/07/2021;

Căn cứ Quyết định số 352/QĐ-CHKQTTSN ngày 16/02/2022 về việc ban hành bảng giá một số dịch vụ phi hàng không tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ vào Tờ trình số 137/TTr-KD ngày 07/12/2022 về việc ban hành một số giá dịch vụ tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng giá một số dịch vụ phi hàng không tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất bao gồm :

1. Giá thuê phòng khách VIP/CIP và phục vụ khách VIP/CIP theo yêu cầu ;
2. Giá dịch vụ cho thuê trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin và viễn thông;
3. Giá dịch vụ bộ đàm kỹ thuật số;
4. Giá dịch vụ cung cấp tiện ích cơ bản;
5. Giá dịch vụ hỗ trợ khách đi tàu bay;
6. Giá dịch vụ nhà ga;
7. Giá dịch vụ cung cấp, hỗ trợ hoạt động vận chuyển ;

8. Giá dịch vụ y tế;
9. Giá dịch vụ tàu bay;
10. Giá dịch vụ vệ sinh, xử lý chất thải, rác thải;
11. Giá dịch vụ kỹ thuật.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Các mức giá ban hành tại quyết định này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng;

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

Ngay khi Quyết định này có hiệu lực bãi bỏ Quyết định sau:

Quyết định số 352/QĐ-CHKQTTSN ngày 16/02/2022 về việc ban hành bảng giá một số dịch vụ phi hàng không tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Điều 4. Phòng Tài chính – Kế toán, Phòng Kinh doanh, Trung tâm Khai thác ga Tân Sơn Nhất, Trung tâm An ninh hàng không Tân Sơn Nhất, Trung tâm Điều hành bay sân bay Tân Sơn Nhất, Trung tâm Khai thác khu bay Tân Sơn Nhất, Văn phòng Cảng, Phòng Kỹ thuật – Công nghệ môi trường, Trung tâm Đào tạo – Huấn luyện và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *in*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT. *in*

GIÁM ĐỐC



Dặng Ngọc Cường

**BẢNG GIÁ MỘT SỐ DỊCH VỤ PHI HÀNG KHÔNG TẠI
CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT**

(Đính kèm theo Quyết định số 3604/CHKQTTSN ngày 08 tháng 12 năm 2022)

STT	NỘI DUNG GIÁ	ĐVT	Mức giá áp dụng tại Cảng
1	Dịch vụ cho thuê phòng khách VIP/CIP và phục vụ khách VIP/CIP theo yêu cầu		
1.1	Đối tượng là khách của Đảng, Nhà Nước, Quốc hội Việt Nam		
a	Phòng lớn	VND/phòng/giờ	2.800.000
b	Phòng nhỏ	VND/phòng/giờ	1.400.000
1.2	Đối tượng khác		
a	Phòng lớn	VND/phòng/giờ	4.000.000
b	Phòng nhỏ	VND/phòng/giờ	2.000.000
(*)	(Kể từ giờ thứ hai trở đi, tiền thuê sẽ tính cho mỗi nửa giờ. Quy ước tính tròn số: từ 30 phút trở xuống tính thành nửa giờ; trên 30 phút đến 60 phút tính thành một giờ)		

STT	NỘI DUNG GIÁ	ĐVT	Mức giá áp dụng tại Cảng
2	Dịch vụ cho thuê trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin và viễn thông		
2.1	Giá cước		
-	Điện thoại 4 số thuê bao tại cơ quan	VND/tháng	Giá bưu điện + 10% phụ thu
2.2	Dịch vụ lắp đặt ban đầu		
a	Điện thoại 04 mã số		theo chi phí thực tế phát sinh
b	Điện thoại 08 mã số		theo chi phí thực tế phát sinh
c	Lắp đặt đường truyền internet		theo chi phí thực tế phát sinh
2.3	Dịch vụ bảo trì đường truyền thông tin	VND/12 tháng	1.200.000
3	Dịch vụ bộ đàm kỹ thuật số		
3.1	Dịch vụ kết nối và đảm bảo kỹ thuật thông tin liên lạc bằng bộ đàm kỹ thuật số (bộ đàm do đơn vị thuê tự trang bị kết nối vào trạm thu phát của Cảng)	VND/máy/năm	2.700.000
3.2	Dịch vụ kết nối và đảm bảo kỹ thuật thông tin liên lạc bằng bộ đàm kỹ thuật số (kết nối máy bộ đàm thông qua trạm thu phát gốc của đơn vị thuê và có liên lạc với các nhóm thoại thuộc Cảng hoặc của đơn vị khác)	VND/máy/năm	1.755.000
3.3	Dịch vụ kết nối và đảm bảo kỹ thuật thông tin liên lạc bằng bộ đàm kỹ thuật số (kết nối máy bộ đàm thông qua trạm thu phát gốc của đơn vị thuê và không liên lạc với các nhóm thoại thuộc Cảng hoặc của đơn vị khác)	VND/máy/năm	945.000
3.4	Dịch vụ kết nối và đảm bảo kỹ thuật thông tin liên lạc bằng bộ đàm kỹ thuật số (bộ đàm do Cảng trang bị)		
a	Bộ đàm cầm tay	VND/máy/năm	10.978.000
b	Bộ đàm gắn theo xe	VND/máy/năm	14.100.000

STT	NỘI DUNG GIÁ	ĐVT	Mức giá áp dụng tại Cảng
4	Dịch vụ cung cấp tiện ích cơ bản		
4.1	Dịch vụ cấp điện	VND/Kwh	4.262
4.2	Giá điện điều hòa mặt bằng cho thuê	VND/m ²	35 Kwh/m2/tháng x Giá điện
4.3	Chi phí quản lý văn phòng khu vực hạn chế	VND/m ² /tháng	250.000
4.4	Chi phí quản lý văn phòng khu cách ly ga QT	USD/m ² /tháng	10
5	Dịch vụ hỗ trợ khách đi tàu bay		
5.1	Dịch vụ giữ hành lý (locker room)		
a	Dưới 10 giờ	VND/kiện/giờ	25.000
b	Từ 10 giờ trở lên	VND/kiện/ngày hoặc 1 phần của ngày	250.000
5.2	Dịch vụ hỗ trợ đón khách tại quầy thông tin	VND/tháng	6.000.000
5.3	Dịch vụ phục vụ quầy làm thủ tục khách hạng thương gia (xếp cọc..) chuyển bay quốc tế	USD/chuyến	12
6	Dịch vụ nhà ga		
6.1	Dịch vụ cung cấp thẻ từ ra, vào khu vực nhà ga	VND/thẻ	275.000

STT	NỘI DUNG GIÁ	ĐVT	Mức giá áp dụng tại Cảng
6.2	Dịch vụ quay phim; Dẫn đoàn quay phim, tham quan		
a	Khu vực nhà ga sân đậu ô tô	VND/02 giờ đầu tiên	2.200.000
b	Khu vực hoạt động bay	VND/02 giờ đầu tiên	3.200.000
c	Các giờ tiếp theo	VND/giờ	660.000
d	Phim tài liệu	VND/02 giờ đầu tiên	1/2 giá quy định
(*)	(Quy ước tính tròn số: từ 30 phút trở xuống tính thành nửa giờ, trên 30 phút đến 60 phút tính thành một giờ) Giá trên chưa bao gồm giá thuê thiết bị (nếu có)		
7	Dịch vụ cung cấp, hỗ trợ hoạt động vận chuyển		
-	Dịch vụ cho thuê xe chở CBCNV đi kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa tại trạm khí tượng	VND/2h/lần	300.000
8	Dịch vụ y tế		
8.1	Phục vụ cấp cứu: Dịch vụ cho thuê xe cứu thương có y bác sỹ đi kèm		
a	Từ sân bay Tân Sơn Nhất đi các quận Tân Bình, Phú Nhuận, Gò Vấp hoặc ngược lại	VND/chuyến	750.000
b	Từ sân bay Tân Sơn Nhất đi các quận 1,3,5,10,11,12, Bình Thạnh, Tân Phú hoặc ngược lại	VND/chuyến	1.000.000
c	Từ sân bay Tân Sơn Nhất đi các quận 2,4,6,7,8,9,Thủ Đức, Bình Tân, Bình Chánh, Nhà Bè, Hóc Môn hay các khu vực ven đô khác hoặc ngược lại	VND/chuyến	1.400.000
d	Từ sân đậu máy bay về trước nhà ga hoặc ngược lại	VND/chuyến	300.000

STT	NỘI DUNG GIÁ	ĐVT	Mức giá áp dụng tại Cảng
8.2	Phục vụ cấp cứu, hỗ trợ y tế: Sơ cứu, cấp cứu và kiểm tra sức khoẻ.	VND/lần	400.000
8.3	Dịch vụ trực cấp cứu 24/24	VND/tháng	500.000
9	Dịch vụ tàu bay		
9.1	Dịch vụ thu gom chất thải lỏng đến bể lưu trữ chất thải lỏng tại Khu bay (Giá dịch vụ sẽ được điều chỉnh theo giá thị trường)	VND/m ³	680.000
9.2	Dịch vụ thu gom rác thải chuyển bay đến điểm tập kết		
a	Dịch vụ tiếp nhận và lưu trữ chất thải rắn thông thường đến điểm tập kết chất thải rắn thông thường tại Khu bay (Giá dịch vụ sẽ được điều chỉnh theo giá thị trường)	VND/m ³	325.000
b	Dịch vụ tiếp nhận và lưu trữ chất thải rắn nguy hại đến điểm tập kết chất thải nguy hại tại Khu bay	VND/kg	Giá thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại của Công ty do bên Cảng thuê + 30% giá dịch vụ cho chi phí quản lý chất thải nguy hại
c	Dịch vụ tiếp nhận và lưu trữ chất thải công nghiệp thông thường đến điểm tập kết chất thải công nghiệp thông thường tại Khu bay	VND/kg	Giá thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp của Công ty do bên Cảng thuê + 30% giá dịch vụ cho chi phí quản lý chất thải công nghiệp thông thường
10	Dịch vụ vệ sinh, xử lý chất thải, rác thải		
10.1	Dịch vụ xử lý chất thải, Dịch vụ thu gom, xử lý chất thải, vận chuyển rác thải của dịch vụ kinh doanh tại nhà ga		
a	Dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thông thường của các đơn vị phi hàng không hoạt động tại nhà ga (Giá dịch vụ sẽ được điều chỉnh theo giá thị trường)	VND/tấn	627.000
b	Dịch vụ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của nhà để xe ga quốc nội (Giá dịch vụ sẽ được điều chỉnh theo giá thị trường)	VND/m ³	16.258

STT	NỘI DUNG GIÁ	ĐVT	Mức giá áp dụng tại Cảng
11	Dịch vụ kỹ thuật		
11.1	Chi phí nhân công cho các công việc: Giám sát, thi công công trình, sửa chữa, vệ sinh công nghiệp...	công	1.500.000
11.2	Chi phí khảo sát và lập bản vẽ thi công		
a	- Cấp nguồn cho các bảng quảng cáo, quầy kệ...tại vị trí đã được quy hoạch cấp nguồn điện, thi công các hệ thống khác	hệ	1.000.000
b	- Cấp nguồn cho các bảng quảng cáo, quầy kệ...tại vị trí chưa được quy hoạch cấp nguồn điện	hệ	2.000.000
c	- Cấp nguồn cho các nhà hàng có yêu cầu nghiêm ngặt về PCCC (sử dụng gas, kho lạnh, báo cháy...)	hệ	3.000.000

Ghi chú: Giá trên chưa bao gồm thuế GTGT